

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 609A /QĐ- ĐHTTr ngày 21 tháng 08 năm 2018
của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào)

Tên chương trình:	Giáo dục mầm non
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Giáo dục mầm non
Mã ngành:	7140201
Loại hình đào tạo:	Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

Có kiến thức về nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Pháp luật đại cương, Tư tưởng Hồ Chí Minh, các kiến thức khoa học về tự nhiên, xã hội, nhân văn, môi trường và có thể vận dụng vào hoạt động giáo dục ở các trường mầm non, vận dụng vào việc đánh giá, phân tích các các tình huống xã hội trong chuyên môn;

Có kiến thức cơ sở về mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục Mầm non, Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, Ngôn ngữ, Văn học, Tiếng việt, Mỹ thuật, Âm nhạc, Môi trường và con người, Hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non và có thể vận dụng vào triển khai các hoạt động giáo dục trong việc dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục, vui chơi cho trẻ mầm non;

Có kiến thức về Tâm lý học mầm non, Giáo dục học mầm non và Giáo dục gia đình; có khả năng vận dụng kiến thức trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non;

2. Chuẩn đầu ra ngành đào tạo

Sau khi tốt nghiệp ngành Giáo dục Mầm non, người học phải đạt được các yêu cầu sau:

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu được kiến thức chung về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MácLênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam; có kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục An ninh - Quốc phòng để đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
CDR 2	Nắm được các kiến thức giáo dục đại cương để vận dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn giáo dục mầm non và hệ thống kiến thức khoa học giáo dục mầm non ở trình độ đại học để thực hiện tốt công tác chuyên môn.

	<p>Có kiến thức về phương pháp giáo dục mầm non, có những hiểu biết về mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục mầm non, phương pháp tổ chức, đánh giá các hoạt động chăm sóc - giáo dục và sự phát triển của trẻ mầm non.</p> <p>Hiểu các kiến thức khoa học về giáo dục trẻ mầm non với các đối tượng khác nhau bao gồm cả trẻ dân tộc thiểu số, trẻ có nhu cầu đặc biệt ở tất cả các nhóm tuổi, các loại hình trường, lớp mầm non.</p>
CĐR 3	<p>Có trình độ Tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin)</p> <p>Ngoại ngữ: Có trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh chứng chỉ B trở lên</p>
CĐR 4	<p>Có kiến thức chuyên sâu về tổ chức các hoạt động phát triển nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non; về tổ chức các hoạt động âm nhạc, các hoạt động tạo hình trong trường mầm non, trên cơ sở có kiến thức về kỹ thuật thanh nhạc, kiến thức về các loại hình vẽ, nặn, xé - dán, trang trí, làm đồ dùng đồ chơi. Có kiến thức chuyên sâu về dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho trẻ mầm non.</p> <p>Có kiến thức về quản lý lớp học có hiệu quả theo nhóm, lớp; quản lý hồ sơ, sổ sách; sắp xếp bảo quản đồ dùng, đồ chơi.</p>
CĐR 5	<p>Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng trên tinh thần tôn trọng, hợp tác, chia sẻ. Nghiên cứu khoa học các vấn đề thuộc lĩnh vực ngành giáo dục mầm non.</p> <p>Làm việc nhóm hoặc làm việc độc lập trong mọi môi trường, hoàn cảnh.</p> <p>Áp dụng kiến thức về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật, đánh giá về sự phát triển của trẻ theo độ tuổi trong giao tiếp, ứng xử với trẻ và chăm sóc sức khỏe trẻ lứa tuổi mầm non (vệ sinh, dinh dưỡng, sức khỏe sinh sản, dinh dưỡng cộng đồng, phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ), trong giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non trên tất cả các lĩnh vực (phát triển ngôn ngữ, làm quen văn học, hình thành biểu tượng toán, phát triển tư duy toán học, giáo dục thể chất, khám phá khoa học về môi trường xung quanh, kiến thức nâng cao về mỹ thuật, âm nhạc, làm đồ dùng dạy học, đồ chơi).</p>
CĐR 6	<p>Có chứng chỉ Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh.</p> <p>Có chứng nhận Kỹ thuật chế biến món ăn.</p>
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CĐR 7	<p>Biết giao tiếp với trẻ, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển của trẻ; biết quan sát, tìm hiểu và đánh giá mức độ của trẻ.</p>

	<p>Biết lập kế hoạch định hướng sự phát triển và thực hiện công tác chăm sóc giáo dục trẻ phù hợp với yêu cầu của từng độ tuổi, từng cá nhân và phù hợp với điều kiện thực tế.</p> <p>Biết thiết kế các hoạt động giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục, lựa chọn và sử dụng hợp lý các học liệu, phương pháp giáo dục, dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của trẻ.</p>
CĐR 8	Biết đánh giá hiệu quả và điều chỉnh kế hoạch giáo dục; biết quản lý nhóm, lớp; biết phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động.
CĐR 9	Có kỹ năng làm việc nhóm; có kỹ năng sử dụng thành thạo công nghệ thông tin phục vụ cho tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ và cập nhật thông tin về giáo dục mầm non; có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ để giao tiếp, sử dụng tài liệu giáo dục mầm non; có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.
Kỹ năng mềm	
CĐR 10	<p>Có kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động phát triển nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non và định hướng phát triển cho trẻ phù hợp với từng độ tuổi và từng cá thể trẻ.</p> <p>Có kỹ năng tổ chức cuộc sống; nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ và phát triển thể chất cho trẻ.</p>
CĐR 11	Có kỹ năng tổ chức hoạt động nhiều mặt: học tập, vui chơi, sinh hoạt và các hoạt động khác nhằm đảm bảo một cách đồng bộ, hài hòa việc phát triển thể chất, trí tuệ, tinh thần và các quan hệ xã hội cho trẻ theo mục tiêu giáo dục của ngành Mầm non.
CĐR 12	<p>Có kỹ năng đánh giá hiệu quả chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường Mầm non.</p> <p>Bước đầu biết lựa chọn, xây dựng đề cương, tiến hành nghiên cứu một đề tài nghiên cứu khoa học Giáo dục Mầm non ở mức độ đơn giản, giải quyết một vấn đề nào đó do thực tiễn Giáo dục Mầm non đặt ra.</p>
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CĐR 13	Biết vận dụng kiến thức thuộc các môn Lý luận chính trị, hình thành thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận trong học tập, giải thích và giải quyết những vấn đề trong thực tiễn; hiểu được và ủng hộ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.
CĐR 14	<p>Có phẩm chất nghề nghiệp: Yêu nghề, say mê, tận tụy với công việc; yêu trẻ, tôn trọng, có tinh thần trách nhiệm cao với trẻ; có lối sống lành mạnh, giản dị, trung thực, nêu gương tốt cho trẻ.</p> <p>Có thái độ cởi mở, thân thiện với phụ huynh và đồng nghiệp, có ý thức vượt khó, vươn lên trong học tập, công tác, có khả năng thích ứng với môi trường công tác.</p>

	Có tinh thần hợp tác làm việc nhóm, quan hệ tốt với cộng đồng, phụ huynh, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục.
Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	
CĐR 15	Học xong chương trình này, người học có khả năng: Giảng dạy các hệ cao đẳng mầm non, trung cấp mầm non, các lớp bồi dưỡng giáo viên Mầm non tại các cơ sở đào tạo, hoặc làm cán bộ nghiên cứu ở các cơ sở nghiên cứu giáo dục; Làm giáo viên ở các trường Mầm non công lập, dân lập, tư thục, các nhóm trẻ gia đình tại các vùng, miền; Làm công tác quản lý ở các trường Mầm non.
CĐR 16	Chăm sóc sức khỏe người già yếu, bệnh tật và trẻ em tại các trung tâm hoặc gia đình; công việc nội trợ trong các gia đình; Làm việc tại các cơ quan chữ thập đỏ, Bảo vệ bà mẹ trẻ em, các cơ quan nhà nước; tham gia các dự án phát triển vùng (phi chính phủ); công tác thiếu niên nhi đồng của các tổ chức chính trị xã hội.
Khả năng phát triển và nâng cao trình độ	
CĐR 17	Có khả năng tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chuyên môn nghề nghiệp. Có thể tiếp tục học tập Cao học hoặc nghiên cứu sinh thuộc lĩnh vực Giáo dục Mầm non, Tâm lý học, Giáo dục học, Quản lý giáo dục

3. Ma trận các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																	
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kỹ năng						Thái độ		VT	KN		
		C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	VL	HT		
		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	SK	NC		
		R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	TN	TĐ		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	1	17		
1. Kiến thức Giáo dục đại cương																			
LL2.1.001.2	Những NLCB của CN MLN 1	2	2	2	2	2	2	1	2	1	1					1	1	2	2
LL2.1.002.3	Những NLCB của CN MLN 2	2	1	2	2	2	2	2								1	1	2	2
LL2.1.004.3	ĐLCM của Đảng CSVN	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2					1	1	2	2
LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2					2	2	2	2

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kỹ năng						Thái độ		VT	KN	
		CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	HT
		R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	R8	R9	R10	R11	R12	R13	R14	R15	R16	TĐ
	Minh																	
XH2.1.002.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2	1	2	2	1	2	1	1	1				1	1		1
TN2.1.404.2	Môi trường và con người	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1				1	1		1
LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	2	2	2	2	2	2	2					2	2	2	2	
TL2.1.005.2	Phương pháp NCKH giáo dục	2	2	2		1	2	1	2	1	2				2	2	2	2
TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương	2	2	2	2	2	2	2	2	2				2	2	2	2	
TL2.1.003.2	Giáo dục học đại cương	2	2	2	2	2	2	1	2	2				2	2	2	2	
TN2.1.401.2	Sinh lý học trẻ em	2	2	1	2		2	2	1	1	1				1	1	2	2
TN2.1.501.2	Tin học đại cương	1	2	2	2	1	1	1	1	2				2	2	2	2	
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				1	1	2	2
NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2				1	1	2	2
NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2				1	1	2	2
NN2.1.004.3	Tiếng Anh 4	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2			1	1	2	2
TN2.1.106.2	Toán cơ sở	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				1	1	1	2
TN2.1.107.2	Xác suất thống kê B	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				1	1	1	1
TN2.1.501.2	Tin học đại cương	1	2	2	2	1	1	1	1	1				3	3	2	2	
2. Giáo dục thể chất																		
TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1			2											1	1	1	1

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kỹ năng						Thái độ		VT	KN	
		CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ
		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
		R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
TC2.1.002.3	Giáo dục TC 2 (Bóng đá 1)	2	2	1	2	2	1	2	2	1					1	1	1	1
TC2.1.003.3	Giáo dục TC 2 (Bóng bàn 1)	2	2	1	2	2	1	2	2	1					1	1	1	1
TC2.1.004.3	GDTC 2 (Bóng chuyền 1)	2	2	2	2	2	2	2	2					1	1	1	1	
TC2.1.005.3	GDTC 2 (Cầu lông 1)	2	2	2	2	2	2	2						1	1	1	1	
TC2.1.006.3	GDTC 2 (Võ thuật 1)	2	2	2	2	2	2	1	2	1					1	1	1	1
TC2.1.007.3	GDTC 2 (Điện kinh 1)	2	2	1	2	1	2	2	2					1	1	1	1	
TC2.1.008.2	GDTC 3 (Bóng đá 2)	2	2	1	2	2	1	2	2	1					1	1	1	1
TC2.1.009.2	GDTC 3 (Bóng bàn 2)	2	2	1	2	2	1	2	1	1					1	1	1	1
TC2.1.010.2	GDTC 3 (Bóng chuyền 2)	2	2	2	2	2	2	2							1	1	1	1
TC2.1.011.2	GDTC 3 (Cầu lông 2)	2	2	2	2	2	2	2							1	1	1	1
TC2.1.012.2	GDTC 3 (Võ thuật 2)	2	2	2	2	2	2	2	2	1					1	1	1	1
TC2.1.013.2	GDTC 3 (Điện kinh 2)	2	1	1	2	2	1	2	2						1	1	1	1
TC.2.1.020.3	Bơi lội 2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1				1	1	1	1
TC2.1.021.2	Bơi lội 3	2	2	1	2	2	1	2	2	2					1	1	1	1
3. Giáo dục Quốc phòng – An ninh																		
TC2.1.014.3	GDQP – An ninh	2	2	2	2	1	2	2	1						2	2	1	1
TC2.1.015.2	GDQP – An ninh	2	2	2	1	2	2	2	2						2	2	1	1

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kỹ năng						Thái độ		VT	KN	
		CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	SK	HT
		R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	R8	R9	R10	R11	R12	R13	R14	R15	R16	TĐ
TC2.1.016.3	GDQP – An ninh	2	2	1	2	2	2	2	2						2	2	1	1
4. Kiến thức cơ sở ngành																		
MN2.1.001.2	Tâm lý học trẻ em 1	2	2	2	2	2	2	3	2	2	3				2	2	2	2
MN2.1.002.2	Tâm lý học trẻ em 2	2	2	2	2	2	2	3	2	2	3				2	2	2	2
MN2.1.003.3	Giáo dục học mầm non 1	1	2	2	1	2	1	2	2	2	2				2	2	2	2
MN2.1.004.2	Giáo dục học mầm non 2	1	1	1	2	1	2	1	2	2	2				2	2	2	2
MN2.1.035.2	Vệ sinh trẻ em	2	2	3	3	3	3	2	2	3					2	2	2	2
MN2.1.032.2	Giáo dục giá trị đạo đức cho trẻ em lứa tuổi MN	2	2	2	2	2	3	3	3						2	2	2	2
MN2.1.036.3	Dinh dưỡng trẻ em	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3				2	2	2	2
MN2.1.006.2	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	2	2	2	2	3	3	2	1	3				2	2	2	2
NT2.1.022.2	Múa cơ bản	1	2	2	2	2	1	2	2	2	1				1	1	2	1
XH2.1.052.2	Văn học trẻ em	2	1	1	1	1	1	2	1	1	1				1	1	2	2
TN2.1.403.2	Sinh lý học trẻ em	2	2	1	2		2	2	1	1	1				1	1	2	2
5. Kiến thức ngành																		
MN2.1.008.3	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em	3	2	3	2	2	2	3	3	3					2	2	2	2

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kĩ năng						Thái độ		VT	KN	
		CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ
		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
		R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
MN2.1.009. 3	Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3				2	2	2	2
MN2.1.010. 3	Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh	2	2	3	3	1	3	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2
MN2.1.011. 3	Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em	3	3	2	2	2	2	2	2						2	2	2	2
MN2.1.012. 2	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em	3	3	3	3	3	2	3	2	2	2				2	2	2	2
MN2.1.013. 3	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em	2	3	3	3	3	3	3	3	3					2	2	2	2
MN2.1.014. 2	Giáo dục hòa nhập	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3		2	2	2	2
TN2.1.504.2	ƯDCNTT trong GD mầm non	2	2	1	1	1	2	2	1	1	1	2			2	2	2	2
MN2.1.016. 2	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2
MN2.1.018. 3	Phát triển và tổ chức thực hiện ch.trình	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		2	2	2	2

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kỹ năng						Thái độ		VT VL SK TN	KN HT NC TD	
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13	C Đ R 14	C Đ R 15	C Đ R 16	CĐ R 17
	GDMN																	
MN2.1.019. 2	Quản lý trong GDMN	2	2	2	2	2	2	2	3	2	2	3			2	2	2	2
MN2.1.020. 2	Đánh giá trong GDMN	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3			2	2	2	2
MN2.1.033.3	PP nghiên cứu khoa học GDMN	3	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2			2	2	2	2
MN2.1.034.2	Quản lý giáo dục hòa nhập	3	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2			2	2	2	2
MN2.1.032.2	Giáo dục giá trị đạo đức cho trẻ em lứa tuổi MN	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			2	2	2	2
NT2.1.010.2	Đàn phím điện tử - Oóc gan	2	2	1	2	2	1	2	2	1	1				2	2	2	2
NT2.1.011.3	Mỹ thuật cơ bản	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2				1	1	2	2
NT2.1.009.3	Âm nhạc cơ bản	2	2	2	2	1	2	2	1	1					2	1	2	2
XH2.1.053.2	PP đọc, kể diễn cảm	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				2	1	2	2
MN2.1.021. 2	Chương trình GDMN	2	2	2	2	3	3	2	2	2	2	2			1	1	2	2
TL2.1.014.2	Tâm bệnh học	2	1	1	2	1	1	1	1	1					1	2	2	2
MN2.1.023. 2	Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3				2	2	2	2
MN2.1.024. 2	Phương pháp hình thành KNKX vận động cho trẻ mầm non	2	2	2	2	2	2	3	3	3					2	2	2	2

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kỹ năng						Thái độ		VT	KN	
		CĐ	Đ	R	1	2	3	CĐ	Đ	R	1	2	3	CĐ	Đ	R	1	2
MN2.1.025. 2	Giao tiếp, ứng xử su phạm của GVMN	2	2	2	2	2	2	2	3	2	3	3			2	2	2	2
MN2.1.026. 2	Giáo dục môi trường cho trẻ MN	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			2	2	2	2
MN2.1.027. 2	Đồ chơi trẻ em	2	2	2	3	2	2	3	2	2	3				1	2	2	2
MN2.1.030. 3	Thực tập su phạm 1	2	2	2	2	3	2	3	3	3					2	2	2	2
MN2.1.031. 4	Thực tập su phạm 2	2	2	2	2	3	2	3	3	3					2	2	2	2
7. Học phần thay thế tốt nghiệp																		
MN2.1.028. 2	GD hành vi văn hoá cho trẻ Mầm non	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			2	2	2	2
XH2.1.051.2	Tiếng Việt và Văn học	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1				2	2	2	2
MN2.1.029. 3	Tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp	2	2	2	2	3	3	3	3	3	2	2	2		2	2	2	2

(Ghi chú: 0 – Không đóng góp; Ghi chú: ; 12- Có đóng góp; 2- Đóng góp nhiều; 3. Đóng góp rất nhiều)

4. Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kì)

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 136 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất 07 tín chỉ và Giáo dục Quốc phòng – An ninh: 8 tín chỉ), trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 50 tín chỉ

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 86 tín chỉ, trong đó:

- + Kiến thức cơ sở ngành: 20 tín chỉ
- + Kiến thức ngành Mầm non: 66 tín chỉ
- + Kiến thức bổ trợ: 6 tín chỉ
- + Kiến thức tự chọn: 6 tín chỉ
- + Thực tập chuyên ngành: 8 tín chỉ
- + Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế: 7 tín chỉ

6. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương và có đủ sức khoẻ để học tập và công tác lâu dài.
- Phương thức tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.
- Vùng tuyển sinh: Cả nước

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2010/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*)

8. Thang điểm đánh giá: Theo Quy chế đào tạo Đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT (*ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 13/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*)

9. Nội dung chương trình ngành Mầm non:

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
			LT	BT	TH	BB	TC
9.1. Kiến thức Giáo dục đại cương : 50 tín chỉ (<i>Chưa kể các học phần GDTC và GDQP</i>)							
9.1.1. Lý luận chính trị		10					
LL2.1.001.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1	2	21	9			
LL2.1.002.3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 2	3	31	14			
LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	9			
LL2.1.004.3	Đường lối CM của Đảng CSVN	3	31	14			
9.1.2. Khoa học xã hội		14					

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
			LT	BT	TH	BB	TC
LL2.1.005.2	QLHC NN và QL ngành GDDT	2	25	5			
XH2.1.002.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	25	4			
TN2.1.404.2	Môi trường và con người	2	24	3			
LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	30	9			
TL2.1.005.2	Phương pháp NCKH giáo dục	2	30	14			
TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương	2	30	14			
TL2.1.003.2	Giáo dục học đại cương	2	30	15			
9.1.3 Ngoại ngữ		10					
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	21	22			
NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2	2	14	15			
NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3	2	14	15			
NN2.1.004.3	Tiếng Anh 4	3	21	22			
9.1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên		6					
TN2.1.106.2	Toán cơ sở	2	15	15			
TN2.1.107.2	Xác suất thống kê B	2	15	15			
TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15		15		
9.1.5. Giáo dục thể chất		7					
TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1	2	2		27		
	Giáo dục thể chất 2	3*					
TC2.1.002.3	Bóng đá 1	3*	4		41		
TC2.1.003.3	Bóng bàn 1	3*	4		41		
TC2.1.004.3	Bóng chuyền 1	3*	4		41		
TC2.1.005.3	Cầu lông 1	3*	3		42		
TC2.1.006.3	Võ thuật 1	3*	2		43		
TC2.1.007.3	Điền kinh 1	3*	4		41		

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
			LT	BT	TH	BB	TC
TC.2.1.020.3	Bơi lội 2	3*	3		41		
	Giáo dục thể chất 3	2*					
TC2.1.008.2	Bóng đá 2	2*	2		28		
TC2.1.009.2	Bóng bàn 2	2*	2		28		
TC2.1.010.2	Bóng chuyền 2	2*			30		
TC2.1.011.2	Cầu lông 2	2*	2		28		
TC2.1.012.2	Võ thuật 2	2*	2		28		
TC2.1.013.2	Điền kinh 2	2*	2		28		
TC2.1.021.2	Bơi lội 3	2*			29		
9.1.6. Âm nhạc và mỹ thuật		10					
NT2.1.009.3	Âm nhạc cơ bản	3	24	21			
NT2.1.010.2	Đàn phím điện tử - Óoc gan	2	4		26		
NT2.1.011.3	Mỹ thuật cơ bản	3	17		28		
NT2.1.022.2	Múa cơ bản	2	2		28		
9.1.7. Giáo dục quốc phòng - An ninh							
	Giáo dục quốc phòng - An ninh	8	90		30	8	
TC2.1.014.3	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	45				
TC2.1.015.2	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	30				
TC2.1.016.3	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	45				
9.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 86 tín chỉ							
9.2.1. Kiến thức cơ sở ngành		20					
MN2.1.001.2	Tâm lý học trẻ em 1	2	30				
MN2.1.002.2	Tâm lý học trẻ em 2	2	30	11			
MN2.1.003.3	Giáo dục học mầm non 1	3	33	12			
MN2.1.004.2	Giáo dục học mầm non 2	2	18	22			

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
			LT	BT	TH	BB	TC
MN2.1.006.2	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	30	14			
XH2.1.052.2	Văn học trẻ em	2	15	14			
TN2.1.403.2	Sinh lý học trẻ em	2	15	14			
MN2.1.035.2	Vệ sinh trẻ em	2	16		14		
MN2.1.036.3	Dinh dưỡng trẻ em	3	23		22		
9.2.2. Kiến thức ngành		66					
<i>a. Kiến thức bắt buộc: 39</i>							
MN2.1.008.3	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em	3	45		21		
MN2.1.009.3	Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em	3	45		15		
MN2.1.010.3	Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh	3	45		20		
MN2.1.011.3	Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em	3	27	7	10		
MN2.1.012.3	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em	3	29		15		
MN2.1.013.3	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em	3	22		22		
MN2.1.014.2	Giáo dục hòa nhập	2	30	14			
TN2.1.504.2	ƯDCNTT trong GD mầm non	2	30				
MN2.1.016.3	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	38		7		
MN2.1.032.2	Giáo dục giá trị đạo đức cho trẻ em lứa tuổi MN	2	13	14	2		
MN2.1.018.3	Phát triển và tổ chức thực hiện ch.trình GDMN	3	20		25		

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
			LT	BT	TH	BB	TC
MN2.1.019.2	Quản lý trong GDMN	2	30	14			
MN2.1.020.2	Đánh giá trong GDMN	2	15	14			
MN2.1.033.3	PP nghiên cứu khoa học GDMN	3	22	22			
MN2.1.034.2	Quản lý giáo dục hòa nhập	2	30	11			
b. Kiến thức tự chọn		6					
XH2.1.053.2	PP đọc, kể diễn cảm	2*	15	15			2*
MN2.1.021.2	Chương trình GDMN	2*	30	14			2*
TL2.1.014.2	Tâm bệnh học	2*	30	15			2*
MN2.1.023.2	Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian	2*	30		9		2*
MN2.1.024.2	Phương pháp hình thành KNKX vận động cho trẻ mầm non	2*	30		15		2*
c. Kiến thức bổ trợ:		6					
MN2.1.025.2	Giao tiếp, ứng xử sư phạm của GVMN	2	30	14			
MN2.1.026.2	Giáo dục môi trường cho trẻ MN	2	30	15			
MN2.1.027.2	Đồ chơi trẻ em	2	12		18		
9.2.4. Thực hành, thực tập sư phạm		8					
MN2.1.030.4	Thực tập 1	4	12		48	4	
MN2.1.031.4	Thực tập 2	4			60	4	
9.3. Khóa luận tốt nghiệp (Hoặc học phần thay thế): 7 Tín chỉ							
Học và thi các học phần thay thế							
MN2.1.028.2	GD hành vi văn hoá cho trẻ Mầm non	2	30	11			2
XH2.1.051.2	Tiếng Việt và Văn học	2	14	15			3
MN2.1.029.3	Tổ chức các hoạt động giáo dục	3	25	20			3

S T T	Mã HP	Tên học phần	Điều kiện		Số tín chỉ	Học kỳ								
			Tiên quyết	Song hành		1	2	3	4	5	6	7	8	
17	TC2.1.015.2	GDQP - AN			2									
18	TC2.1.016.3	GDQP - AN			3									
19	LL2.1.001.2	Những nguyên lí cơ bản...1			2	2								
20	TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương			2	2								
21	TL2.1.003.2	Giáo dục học đại cương	TL2.1.001.2		2	2								
22	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1			3	3								
23	TN2.1.106.2	Toán học cơ sở			2	2								
24	TN2.1.501.2	Tin học đại cương			2	2								
25	NT2.1.009.2	Âm nhạc cơ bản			3	3								
26	LL2.1.002.3	Những nguyên lí cơ bản...2	LL2.1.001.2		3	3								
25	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương			2	2								
26	NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2	NN2.1.001.3		2	2								
27	MN2.1.001.2	Tâm lý học trẻ em 1	TL2.1.001.2		2	2								
28	MN2.1.003.3	Giáo dục học mầm non 1	TL2.1.004.2		3	3								
29	NT2.1.022.2	Múa cơ bản			2	2								
30	TN2.1.403.2	Sinh lý học trẻ em			2	2								
31	NT2.1.010.2	Đàn phím điện tử - Oóc gan	NT2.1.009.2		2		2							
32	LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.002.3		2		2							
33	XH2.1.002.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam			2		2							

S T T	Mã HP	Tên học phần	Điều kiện		Số tín chỉ	Học kỳ								
			Tiên quyết	Song hành		1	2	3	4	5	6	7	8	
34	MN2.1.027.2	Đồ chơi trẻ em			2			2						
35	NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3	NN2.1.002.2		2			2						
36	TN2.1.408.2	Môi trường và con người			2			2						
37	MN2.1.002.2	Tâm lý học trẻ em 2	TL2.1.001.2 MN2.1.001.2		2			2						
38	MN2.1.004.2	Giáo dục học mầm non 2	TL2.1.004.2 MN2.1.003.3		2			2						
39	LL2.1.004.3	Đường lối CM của Đảng CSVN	LL2.1.003.2		3				3					
40	NN2.1.004.3	Tiếng anh 4	NN2.1.003.2		3				3					
41	TN2.1.107.2	Xác suất thống kê B			2				2					
42	MN2.1.009.3	Lý luận và Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em	TN2.1.106.2 MN2.1.001.2 MN2.1.002.2 MN2.1.003.3 MN2.1.004.2		3				3					
43	MN2.1.010.3	Lý luận và Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh.	XH2.1.002.2 MN2.1.001.2 MN2.1.002.2 MN2.1.003.3 MN2.1.004.2		3				3					
44	TL2.1.005.2	Phương pháp NCKH GDĐT			2				2					
45	XH2.1.049.2	Tiếng Việt thực hành			2				2					

S T T	Mã HP	Tên học phần	Điều kiện		Số tín chỉ	Học kỳ								
			Tiên quyết	Song hành		1	2	3	4	5	6	7	8	
		1												
46	NT2.1.011.3	Mỹ thuật cơ bản			3					3				
47	MN2.1.006.2	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	TN2.1.403.2		2					2				
48	MN2.1.008.3	Lý luận và Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em	TC2.1.001.1 TC2.1.001.2 TC2.1.001.3 MN2.1.001.2 MN2.1.002.2 MN2.1.003.3 MN2.1.004.2		3					3				
49	MN2.1.011.3	Lý luận và Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em	XH2.1.043.2 MN2.1.001.2 MN2.1.002.2 MN2.1.003.3 MN2.1.004.2		3					3				
50	MN2.1.013.3	Lý luận và Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em	NT2.1.009.2 MN2.1.001.2 MN2.1.002.2 MN2.1.003.3 MN2.1.004.2		3					3				
51	XH2.1.052.2	Văn học trẻ em			2					2				
52	TN2.1.504.2	ƯDCNTT trong GDMN			2					2				

S T T	Mã HP	Tên học phần	Điều kiện		Số tín chỉ	Học kỳ								
			Tiên quyết	Song hành		1	2	3	4	5	6	7	8	
53	MN2.1.012.3	Lý luận và Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em.	NT2.1.011.3 MN2.1.001.2 MN2.1002.2 MN2.1003.3 MN2.1.004.2		3							3		
54	MN2.1.016.3	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	XH2.1.042.2 MN2.1.001.2 MN2.1.002.2 MN2.1.003.3 MN2.1.004.2		3							3		
55	MN2.1.032.2	Phương pháp giáo dục giá trị đạo đức cho trẻ MN			2							2		
56	LL2.1.005.2	QLHC NN và QL ngành GD			2							2		
57	MN2.1.023.2	Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian	MN2.1.009.3		2*							2		
58	MN2.1.033.3	Phương pháp NCKH GDMN			3							3		
59	MN2.1.030.4	Thực tập 1	MN2.1.009.3 MN2.1.010.3 MN2.1.008.3 MN2.1.011.3 MN2.1.013.3 MN2.1.012.2		4							4		

S T T	Mã HP	Tên học phần	Điều kiện		Số tín chỉ	Học kỳ									
			Tiên quyết	Song hành		1	2	3	4	5	6	7	8		
71	MN2.1.031.4	Thực tập 2	MN2.1.009.3 MN2.1.010.3 MN2.1.008.3 MN2.1.011.3 MN2.1.013.3 MN2.1.012.2 MN2.1.016.2		4										4
Khóa luận tốt nghiệp (HP thay thế)															
72	MN2.1.028. 2	GD hành vi văn hoá cho trẻ Mầm non	MN2.1.003.3 MN2.1.004.2		2										2
73	XH2.1.051.2	Tiếng Việt và Văn học	XH2.1.043.2 XH2.1.044.2		2										2
74	MN2.1.029. 3	Tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp	MN2.1.003.3 MN2.1.004.2 MN2.1.018.3		3										3
Tổng					136	18	19	18	1 8	1 8	19	18	17		

11. Mô tả vắn tắt học phần

11.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin 1.

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giới thiệu nội dung cơ bản trong hệ thống lí luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về các vấn đề: Thế giới quan và phương pháp luận; học thuyết kinh tế về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; chủ nghĩa xã hội.

(Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)

11.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2.

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 1.

Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học.

(Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)

11.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 2.

Cung cấp những kiến thức có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin.

(Theo hướng dẫn Quyết định 52/2008/QĐ-BGDĐT về chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành)

11.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

(Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)

11.5. Quản lý hành chính nhà nước & Quản lý ngành giáo dục.

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên có nhận thức tổng quát về quản lý hành chính Nhà nước, quản lý ngành Giáo dục và đào tạo để khi trở thành công chức có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách của người cán bộ ngành giáo dục và đào tạo. Học phần giúp cho việc xét và tuyển dụng của ngành Giáo dục.

11.6. Cơ sở văn hoá Việt Nam.

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về khái niệm văn hóa, không gian văn hóa Việt Nam, các loại hình văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam (văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội); bản sắc văn hóa dân tộc; vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Qua đó, sinh viên có một cái nhìn tổng quát và thái độ đúng đắn về tiến trình văn hóa Việt Nam, vị trí quan trọng của văn hóa trong cuộc sống hiện tại, biết các sử dụng hữu hiệu kiến thức văn hóa đã học hỗ trợ việc tìm hiểu các môn học có liên quan như: Tiếng Việt, Văn học, Lịch sử, Hán Nôm...

11.7. Môi trường và con người.**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học giới thiệu về các nguyên lý cơ bản của sinh thái học và khoa học môi trường, Dân số và sự phát triển dân số, Nhu cầu và các hoạt động thoả mãn nhu cầu của con người. Khai thác tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường. Phương hướng và chương trình hành động bảo vệ môi trường

11.8. Pháp luật đại cương.**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Trang bị cho sinh viên không chuyên luật có sự hiểu biết và nắm bắt một cách có hệ thống những nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật; những khái niệm chung, khái quát về nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa và hệ thống pháp luật Việt Nam; đồng thời biết được một số nội dung pháp luật cụ thể làm nền tảng cho việc học, việc thực hiện pháp luật.

11.9. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non.**3 tín chỉ**

- Điều kiện tiên quyết: không

Môn học cung cấp một số nội dung cơ bản về nghiên cứu khoa học giáo dục: quan điểm tiếp cận, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, logic tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục; đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non

11.10. Tâm lý học đại cương.**2 tín chỉ**

- Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học giới thiệu khái quát về khoa học tâm lý, các khái niệm cơ bản của tâm lý học : tâm lý, ý thức, hoạt động, giao tiếp, nhân cách, các hoạt động tâm lý cơ bản

11.11. Giáo dục học đại cương.**2 tín chỉ**

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Môn học cung cấp một số nội dung cơ bản về giáo dục học đại cương, bao gồm: các khái niệm, các phạm trù, phương pháp của giáo dục học; mục đích, mục tiêu giáo dục, hệ thống giáo dục quốc dân.

11.12. Giáo dục giá trị đạo đức cho trẻ mầm non**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Sinh viên hiểu được một cách khái quát những vấn đề lí luận cơ bản về giá trị, giá trị đạo đức và giáo dục giá trị đạo đức cho trẻ mầm non.

Hình thành được các kĩ năng nghiên cứu tài liệu, tổng hợp kiến thức, đề xuất các biện pháp để giáo dục giá trị đạo đức cho trẻ mầm non.

Tăng cường cho học viên thái độ tích cực, chủ động, sáng tạo trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

11.13. Tiếng Anh 1.**3 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Sinh viên (SV) được trang bị các kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng thông qua các bài học với các chủ đề khác nhau, đề cập tới các khía cạnh khác nhau của cuộc sống. Rèn luyện cách phát âm chính xác theo *IPA*; tích lũy khối lượng từ vựng; nghiên cứu, rèn luyện, sử dụng các kiến thức ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng tiếng Anh tương đương trình độ A2.

11.14. Tiếng Anh 2.

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Tiếng anh 1

Sinh viên (SV) được trang bị các kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng thông qua các bài học với các chủ đề khác nhau, đề cập tới các khía cạnh khác nhau của cuộc sống. Rèn luyện cách phát âm chính xác theo *IPA*; tích lũy khối lượng từ vựng; nghiên cứu, rèn luyện, sử dụng các kiến thức ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng tiếng Anh tương đương trình độ A2.

11.15. Tiếng Anh 3.

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Tiếng anh 2

Sinh viên (SV) được trang bị các kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng thông qua các bài học với các chủ đề khác nhau, đề cập tới các khía cạnh khác nhau của cuộc sống. Rèn luyện cách phát âm chính xác theo *IPA*; tích lũy khối lượng từ vựng; nghiên cứu, rèn luyện, sử dụng các kiến thức ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng tiếng Anh tương đương trình độ A2.

11.16. Tiếng anh 4.

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Tiếng anh 3

Sinh viên (SV) được trang bị các kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng thông qua các bài học với các chủ đề khác nhau, đề cập tới các khía cạnh khác nhau của cuộc sống. Rèn luyện cách phát âm chính xác theo *IPA*; tích lũy khối lượng từ vựng; nghiên cứu, rèn luyện, sử dụng các kiến thức ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng tiếng Anh tương đương trình độ A2.

11.17. Toán cơ sở.

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết tập hợp, logic mệnh đề, số tự nhiên và các khái niệm về hình học để sinh viên có thể vận dụng vào quá trình học tập và dạy học ở bậc học Mầm non.

11.18. Xác suất thống kê B

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về Xác suất: Hoán vị, tổ hợp; định nghĩa xác suất cổ điển; dãy phép thử; đại lượng ngẫu nhiên; hàm phân bố; các số đặc trưng. Thống kê: lý thuyết mẫu; ước lượng; bài toán kiểm định giả thiết đơn giản; hồi quy và tương quan.

11.19. Tin học đại cương

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung môn học bao gồm: các khái niệm cơ bản về xử lý thông tin và máy tính điện tử; các thao tác truy cập Internet, các kỹ năng sử dụng hệ điều hành để thao tác trên

máy tính điện tử; khai thác một số phần mềm ứng dụng, soạn thảo và lưu trữ các văn bản phục vụ công tác văn phòng; sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu để tính toán khoa học và giải quyết các vấn đề chuyên môn.

11.20. Giáo dục thể chất 1,2,3

7 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về GDTC như: Mục đích, nhiệm vụ, những nguyên tắc phát triển các tố chất thể lực và nắm được một số kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông và bóng chuyền; thông qua môn học, sinh viên nắm được một số điều luật cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài; Từ đó học sinh nâng cao ý thức rèn luyện sức khoẻ nâng cao phẩm chất đạo đức và tính kỷ luật.

11.21. Tâm lý học trẻ em 1.

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tâm lý học đại cương

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về những vấn đề chung của tâm lý học trẻ em. Trình độ và đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em lứa tuổi mầm non từ 0-3 tuổi

11.22. Tâm lý học trẻ em 2 .

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tâm lý học đại cương; Tâm lý học trẻ em 1.

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về các dạng hoạt động của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trình độ và đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo từ 3 - 6 tuổi

11.23. Giáo dục học mầm non 1.

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học đại cương

Cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về giáo dục mầm non như: xu hướng giáo dục mầm non hiện nay; các nguyên tắc, mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình giáo dục mầm non; nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục mầm non.

11.24. Giáo dục học mầm non 2.

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học đại cương; Giáo dục học mầm non 1.

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề: chế độ sinh hoạt hàng ngày; hoạt động với đồ vật cho trẻ ấu nhi; hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo; hoạt động học tập; ngày hội, ngày lễ và công tác chuẩn bị cho trẻ vào lớp một.

11.25. Dinh dưỡng trẻ em.

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Sinh lý trẻ em

Học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản dinh dưỡng cho trẻ em như: Các nhóm lương thực, thực phẩm. Dinh dưỡng trẻ em tuổi nhà trẻ - mẫu giáo và một số bệnh thường gặp ở trẻ em do dinh dưỡng không hợp lý. Cung cấp một số kiến thức về việc ăn uống trong điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em và công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ mầm non.

11.26. Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ.

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Sinh lý trẻ em

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết chung về việc phòng bệnh cho trẻ mầm non gồm: các bệnh, tật và các tai nạn thường gặp ở trẻ em. Cách sử dụng thuốc cho trẻ và việc giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.

11.27. Múa cơ bản.

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về:

- a) Khái quát chung về nghệ thuật múa.
- b) Hệ thống các động tác múa cơ bản.
- c) Ứng dụng các động tác cơ bản để thực hành dàn dựng bài múa.

11.28. Văn học trẻ em.

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Hệ thống hóa kiến thức về văn học trẻ em Việt Nam và thế giới; giới thiệu những tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

11.29. Sinh lý học trẻ em.

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sinh trưởng và phát triển, hệ thần kinh, cơ quan phân tích, hệ vận động, các tuyến nội tiết, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hoá, hệ bài tiết, quá trình trao đổi chất, hoạt động hệ thần kinh cấp cao và đặc điểm phát triển cơ thể của trẻ mầm non.

11.30. Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em.

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục thể chất; Tâm lý học trẻ em 1; Tâm lý học trẻ em 2; Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2.

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về lý luận giáo dục thể chất. Nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, các hình thức tổ chức, các phương tiện trong công tác giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non.

11.31. Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần: Toán cơ sở; Tâm lý học trẻ em 1; Tâm lý học trẻ em 2; Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Lí luận của PP hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non. Nội dung và phương pháp hình thành những biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non. Các thiết bị dạy học và lập kế hoạch việc hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non.

11.32. Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen MTXQ.

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam; Tâm lý học trẻ em 1; Tâm lý học trẻ em 2; Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2.

Học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản về những vấn đề lý luận chung của bộ môn. Mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, các hình thức, phương tiện hướng dẫn

trẻ làm quen với MTXQ. Hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch và đánh giá hoạt động làm quen với MTXQ của trẻ mầm non.

11.33. Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho TE. 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tiếng Việt thực hành; Tâm lý học trẻ em 1; Tâm lý học trẻ em 2; Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về ngôn ngữ và sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non; việc dạy trẻ nhận biết – tập nói trong ba năm đầu và phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo. Chuẩn bị tiền đọc – viết cho trẻ mẫu giáo và lập kế hoạch quan sát, đánh giá sự phát triển ngôn ngữ và giao tiếp của trẻ trong GDMN.

11.34. Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho TE.3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về: ý nghĩa, nhiệm vụ và đặc điểm của hoạt động tạo hình. Phương pháp, hình thức tổ chức HĐTH cho trẻ mầm non theo các thể loại. Kế hoạch tổ chức, đánh giá hoạt động tạo hình trong trường mầm non.

11.35. Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho TE.3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Âm nhạc cơ bản; Tâm lý học trẻ em 1; Tâm lý học trẻ em 2; Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2

Học phần cung cấp cho sinh viên một số vấn đề chung về giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non và phương pháp dạy học. Những vấn đề về đổi mới hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc ở trường Mầm non.

11.36. Giáo dục hòa nhập. 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương.

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Những vấn đề chung của giáo dục hòa nhập: khái niệm, mục tiêu, nhiệm vụ của giáo dục hòa nhập; giáo dục hòa nhập trên thế giới và Việt Nam. Các hình thức tổ chức giáo dục hòa nhập; nguyên tắc giáo dục hòa nhập; chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ giáo dục hòa nhập; giáo dục cho các nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt.

11.37. Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN. 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tin học đại cương;

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về phần mềm đồ họa Paint, mạng Internet, PowerPoint. Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng các phần mềm đã học và mạng Internet để soạn giáo án điện tử trong dạy học cho trẻ ở trường mầm non theo các chủ đề.

11.38. Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học. 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: : Học xong học phần Văn học dân gian; Tâm lý học trẻ em 1; Tâm lý học trẻ em 2; Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2 .

Học phần trình bày những vấn đề chung về việc cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học: khái niệm, ý nghĩa, đặc điểm cảm thụ văn học của trẻ; giới thiệu chương trình cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học; các phương pháp, hình thức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học và đề cập tới các thể loại bài cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.

11.39. Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục MN. 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2; Chương trình giáo dục mầm non

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết chung về kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Cách xây dựng môi trường giáo dục và đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục ở trường mầm non.

11.40. Quản lý trong giáo dục mầm non. 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2.

Học phần đề cập đến một số vấn đề cơ bản liên quan đến những vấn đề chung về quản lý giáo dục mầm non: hệ thống các nguyên tắc, các phương pháp quản lý giáo dục mầm non; nội dung công tác quản lý trường mầm non và các biện pháp chỉ đạo của người hiệu trưởng trường mầm non; công tác quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non.

11.41. Đánh giá trong giáo dục mầm non. 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2.

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết chung về đánh giá trong GDMN: khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá. Sử dụng các biện pháp và kỹ thuật đánh giá nhằm mục đích thiết kế các hoạt động và môi trường giáo dục phù hợp với nhu cầu của từng trẻ, kể cả trẻ có nhu cầu đặc biệt, tạo sự phát triển toàn diện về thể lực, xã hội, tình cảm, thẩm mỹ và trí tuệ cho trẻ.

11.42. Đàn phím điện tử - Oóc gan. 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Gồm các kiến thức cơ bản về đàn Organ, kỹ thuật chạy gam, chuyển hợp âm, kỹ thuật luyện ngón, phương pháp luyện tập và bài tập ứng dụng ở giọng Đô trưởng, La thứ.

11.43. Mỹ thuật cơ bản. 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Những vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình. Kiến thức và kỹ năng thể hiện về Luật xa gần, hình hoạ, màu sắc, bố cục, tỉ lệ người, phóng tranh, tranh đề tài, tranh minh hoạ, kẻ chữ, tranh xé- cắt- dán, nặn, trang trí trường lớp mầm non.

11.44. Âm nhạc cơ bản. 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Bao gồm những kiến thức: Nhạc lí cơ bản: âm thanh- cao độ, độ dài và tiết tấu, cung, quãng, hợp âm, điệu thức- gam - giọng, dịch giọng. Kí - xướng âm: tập đọc giọng trưởng (dur), tập đọc giọng thứ (moll) .

11.45. Phương pháp đọc kể diễn cảm. 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này giới thiệu, hướng dẫn và rèn luyện phương pháp đọc, kể các thể loại văn học (thơ, truyện, kịch...) cho sinh viên.

11.46. Chương trình giáo dục mầm non.**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non 2

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về những vấn đề chung của chương trình giáo dục mầm non. Những nội dung cơ bản của chương trình giáo dục trẻ nhà trẻ 0-3 tuổi và trẻ mẫu giáo 3-6 tuổi.

11.47. Tâm bệnh học.**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức khái quát về tâm bệnh học, bao gồm: khái niệm, đối tượng của tâm bệnh học, nhiệm vụ của tâm bệnh học trẻ em, lịch sử hình thành, cách phân loại bệnh, phương pháp đánh giá tình trạng bệnh lí của trẻ em; Các rối loạn tâm lí của trẻ em lứa tuổi mầm non; Cách phòng ngừa rối loạn tâm lí và cách can thiệp rối loạn tâm lí cho trẻ em lứa tuổi mầm non.

11.48. Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian.**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về cơ sở lí luận của phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian, phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian, tiến trình dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian.

**11.49 Phương pháp hình thành kỹ năng – kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non.
2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em.

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về cơ sở lí luận của phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non. Quá trình hình thành và phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non.

11.50. Giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non.**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giao tiếp sư phạm; Tâm lý trẻ em 1; Tâm lý trẻ em 2.

Học phần đề cập đến những khái niệm chung về ứng xử và giao tiếp. Quá trình xã hội hóa và những đặc điểm phát triển nhu cầu giao tiếp ở trẻ em. Vấn đề ứng xử và giao tiếp giữa cô giáo mầm non với trẻ.

11.51. Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non.**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Môi trường và con người

Học phần đề cập đến những vấn đề chung về môi trường và giáo dục môi trường. Cơ sở khoa học của giáo dục môi trường cho trẻ mầm non. Các quá trình giáo dục môi trường ở trường mầm non

11.52. Đồ chơi trẻ em**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Mỹ thuật cơ bản; Lý luận và Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em.

Hướng dẫn sinh viên thiết kế, tạo dáng và thực hành làm một số đồ chơi có chủ đề gần gũi quen thuộc ở trường mầm non.

11.53. Thực tập sư phạm

8 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học sau các học phần phương pháp bắt buộc.

Tham gia các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sau: Chăm sóc, giáo dục, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trong trường, lớp Mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện cơ sở thực hành theo hướng tích hợp. Tiếp cận, xử lý và vận dụng linh hoạt những thông tin khoa học mới của ngành vào hoạt động thực tiễn của GDMN; sử dụng các phương tiện phục vụ cho hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ.

11.54. Khoá luận tốt nghiệp (học phần thay thế)

7 tín chỉ

Sinh viên đạt điểm học tập theo quy định của nhà trường sẽ được làm khoá luận tốt nghiệp. Những sinh viên không đủ điểm làm khoá luận sẽ phải học 3 học phần, đó là:

11.55. Giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ Mầm non.

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục mầm non 1; Giáo dục mầm non 2.

Học phần đề cập đến một số vấn đề cơ bản về hành vi văn hoá của trẻ mầm non, quá trình giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non, giáo dục và đánh giá hành vi văn hoá cho trẻ mầm non.

11.56. Tiếng Việt và Văn học.

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Tiếng Việt thực hành 1; Văn học trẻ em

Hệ thống hóa kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn bản, phong cách Tiếng Việt; kiến thức văn học Việt Nam các thời kì.

11.57. Tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp .

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2; Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về giáo dục tích hợp và sự cần thiết phải giáo dục tích hợp. Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non và sự cần thiết phải giáo dục tích hợp ở bậc học này. Việc tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non.

11.58. Phương pháp NCKH giáo dục

2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: không

Môn học cung cấp một số nội dung cơ bản về nghiên cứu khoa học giáo dục: quan điểm tiếp cận, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, logic tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục; đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục.

11.59. Quản lý giáo dục hòa nhập

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục hòa nhập

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Những vấn đề chung của giáo dục hòa nhập: khái niệm, mục tiêu, nhiệm vụ của giáo dục hòa nhập; giáo dục hòa nhập trên thế giới và Việt Nam. Các hình thức tổ chức giáo dục hòa nhập; nguyên tắc

giáo dục hòa nhập; chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ giáo dục hòa nhập; giáo dục cho các nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt.

11.60. Vệ sinh trẻ em

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Sinh lý trẻ em

Học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản vệ sinh cho trẻ em như: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của vệ sinh trẻ em; vệ sinh học và việc tổ chức vệ sinh, giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ mầm non.

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Mầm non được thiết kế theo hình thức tín chỉ (theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và tuân thủ theo quy định chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (theo Quyết định số 25/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của một số trường Đại học, Cao đẳng trong nước hiện đang đào tạo ngành Mầm non.

- Chương trình đào tạo sẽ được đánh giá, xem xét lại hàng năm nhằm phát hiện những hạn chế để kịp thời bổ sung, sửa đổi.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên lên lớp phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù của ngành, của từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, mỗi năm học được chia thành 2 học kì, mỗi học kì là 15 tuần. Có thể tổ chức học tập thêm trong kì nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết.

- Quy định thực hiện các học phần:

+ Các học phần lí thuyết học tại lớp: không quá 30 tiết/tuần, được chia thành các phần: Lí thuyết, bài tập, thảo luận, kiểm tra, thực hành môn học.

+ Học phần thực tập: thời gian không quá 40 giờ/tuần.

+ Mỗi tiết học là 50 phút

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

PGS.TS. Nguyễn Bá Đức